

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Số: **3048** /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đồng Nai, ngày **11** tháng **12** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước
thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1990/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 483/TTr-SoNNMT ngày 24 tháng 11 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

(Phụ lục Danh mục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các phường, xã, các cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập được giao tổ chức thực hiện công việc thuộc Danh mục



dịch vụ sự nghiệp công quy định tại Điều 1 Quyết định này tổ chức triển khai lựa chọn đơn vị cung cấp các sản phẩm, dịch vụ sự nghiệp công theo đúng quy định.

2. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này; theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định việc sửa đổi, bổ sung danh mục cho phù hợp.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và phát thanh, truyền hình Đồng Nai (Công báo điện tử tỉnh);
- Lưu VT, KTN, KTNS (Hai.....b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thị Hoàng

Phụ lục

**DANH MỤC DỊCH VỤ SỰ NGHIỆP CÔNG SỬ DỤNG NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC THUỘC LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
I	Dịch vụ môi trường
1	Quan trắc và phân tích dioxin.
2	Xây dựng kế hoạch phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.
3	Quản lý và vận hành hệ thống quan trắc tự động.
4	Truyền thông, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường; giáo dục môi trường; phổ biến kiến thức, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, bao gồm: Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật; xây dựng bản tin nông nghiệp và môi trường; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức về bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.
5	Xây dựng, điều chỉnh, bổ sung mạng lưới quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh.
6	Quan trắc và phân tích các thành phần môi trường (Nước mặt, nước dưới đất, không khí, đất, trầm tích, đa dạng sinh học, tiếng ồn, độ rung, bức xạ, ánh sáng); quan trắc nguồn thải, chất thải và chất ô nhiễm (Nước thải, khí thải, chất thải công nghiệp, phóng xạ, chất ô nhiễm khác).
7	Phân vùng môi trường trên địa bàn tỉnh.
8	Lập báo cáo hiện trạng môi trường; báo cáo chuyên đề về môi trường; lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược.
9	Quản lý, công bố thông tin về môi trường; vận hành hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu (bao gồm cả thu nhận, xử lý, trao đổi thông tin, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế thiết bị lưu trữ hệ thống thông tin, dữ liệu); cập nhật, đánh giá chỉ tiêu thống kê, và xây dựng báo cáo về môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; đánh giá, xếp hạng kết quả bảo vệ môi trường.
10	Đánh giá, dự báo chất lượng môi trường nước mặt, trầm tích, khả năng chịu tải của môi trường nước mặt đối với sông, hồ; kiểm kê, đánh giá nguồn thải, mức độ ô nhiễm sông, hồ; đánh giá, dự báo chất lượng môi trường không khí; điều tra, đánh giá,

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
	xác định và khoanh vùng các khu vực có nguy cơ ô nhiễm môi trường đất, khu vực ô nhiễm môi trường đất.
11	Đánh giá việc thực hiện phương án bảo vệ môi trường và bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh.
12	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt.
13	Xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí.
14	Thu mẫu và phân tích mẫu phục vụ công tác thẩm định, giám sát, kiểm tra, kiểm soát, về lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh
15	Thu mẫu và phân tích mẫu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải của các cơ sở trên địa bàn tỉnh
16	Điều tra, thống kê, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng môi trường, lập danh mục chất ô nhiễm, chất thải rắn, nguồn ô nhiễm; đánh giá, dự báo tình hình phát sinh, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.
17	Xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu.
18	Mua sắm trang thiết bị thay thế hệ thống quan trắc, phương tiện phục vụ công tác bảo vệ môi trường.
19	Điều tra, thống kê đánh giá nguy cơ sự cố môi trường có thể xảy ra trên địa bàn tỉnh và xây dựng cơ sở dữ liệu về các nguồn có nguy cơ gây ra sự cố môi trường.
20	Dịch vụ phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và các loại chất thải khác.
21	Quản lý, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu đô thị, khu dân cư tập trung và trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt cố định
II	Dịch vụ bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
1	Quan trắc, phân tích và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học; xây dựng và thử nghiệm mô hình bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học.
2	Xây dựng nội dung bảo tồn đa dạng sinh học; điều tra, lập danh mục, đánh giá khả năng xâm nhập để có biện pháp phòng ngừa, kiểm soát loài ngoại lai xâm hại; điều tra, thống kê, kiểm kê, đánh giá và lập báo cáo hiện trạng về đa dạng sinh học.
3	Điều tra cơ bản về đa dạng sinh học; phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên; bảo tồn loài thuộc danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ; thực hiện các chương trình kiểm soát, cô lập, diệt trừ các loài ngoại lai xâm hại.
4	Nghiên cứu giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học rừng, ứng phó với biến đổi khí hậu.

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
III	Dịch vụ lĩnh vực chăn nuôi
1	Bảo tồn nguồn gen giống vật nuôi.
IV	Dịch vụ lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật
1	Tập huấn, tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật và kiến thức về bảo vệ và kiểm dịch thực vật; phòng chống dịch hại cây trồng
V	Dịch vụ lĩnh vực thú y
1	Hướng dẫn, tập huấn hoạt động chăn nuôi, thú y; tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật cho tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến chăn nuôi, thú y, thủy sản trên địa bàn tỉnh.
VI	Dịch vụ lĩnh vực thủy sản
1	Tổ chức thực hiện bảo tồn và phát triển các giống loài bản địa.
2	Sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản theo quy định.
3	Hoạt động khảo nghiệm, xác nhận chất lượng giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản; tư vấn dịch vụ khoa học, kỹ thuật về thủy sản.
4	Sản xuất, cung ứng và bổ sung tái tạo nguồn lợi thủy sản vào hồ nước tự nhiên (hồ chứa).
VII	Dịch vụ lĩnh vực lâm nghiệp
1	Bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng.
2	Khoán bảo vệ rừng.
3	Điều tra, thống kê, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng.
4	Định giá rừng, khung giá rừng.
5	Quản lý rừng đặc dụng và rừng phòng hộ.
6	Các hoạt động tuyên truyền, tập huấn trong lĩnh vực lâm nghiệp.
VIII	Dịch vụ lĩnh vực thủy lợi
1	Tổ chức nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ tiên tiến về thủy lợi.
2	Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du hồ chứa.
3	Tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng về bảo vệ nguồn nước; đập, hồ chứa thủy lợi.
4	Kiểm tra, đánh giá an toàn đập. Tổ chức họp hội đồng, lập báo cáo, đánh giá, tham mưu phương án tích nước hồ chứa nước thủy lợi.
IX	Dịch vụ lĩnh vực phòng chống thiên tai
1	Quản lý vận hành các trạm đo mưa tự động và cung cấp thông tin, số liệu khí tượng thủy văn phục vụ công tác phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.
X	Dịch vụ lĩnh vực quản lý chất lượng
1	Tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn pháp luật về an toàn thực phẩm.
2	Tổ chức điều tra, thống kê và thực hiện chế độ thông tin, báo

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
	cáo về chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản và muối theo quy định.
XI	Dịch vụ lĩnh vực quản lý đất đai
1	Lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
2	Thông kê, kiểm kê đất đai và thành lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.
3	Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể.
4	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất; lập hồ sơ địa chính; cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động đất đai, chỉnh lý hồ sơ địa chính, cập nhật biến động đất đai.
5	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; quản lý vận hành cơ sở dữ liệu đất đai.
6	Lập phương án sử dụng đất.
7	Điều tra, đánh giá tài nguyên đất, chất lượng đất, thoái hóa đất, ô nhiễm đất; bảo vệ, cải tạo, phục hồi đất.
XII	Dịch vụ lĩnh vực đo đạc và bản đồ
1	Đo đạc lưới địa chính, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính.
2	Thành lập, bản đồ hành chính (trừ bản đồ hành chính cấp tỉnh) và bản đồ chuyên đề (bản đồ địa hình, bản đồ môi trường,...), một số loại bản đồ khác thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
3	Cắm mốc, biên vẽ, lập bản đồ chuyên đề phục vụ công tác quản lý đất đai ở địa phương.
4	Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia, cập nhật bản đồ địa chính quốc gia tỷ lệ 1:2000 và 1:5000 đối với phần đất liền, cửa sông thuộc phạm vi quản lý.
5	Xây dựng, chỉnh lý, nâng cấp Atlas Đồng Nai.
XIII	Dịch vụ lĩnh vực địa chất và khoáng sản
1	Điều tra cơ bản địa chất theo đề án, dự án hoặc nhiệm vụ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận.
2	Thực hiện khoanh định khu vực cấm, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.
3	Lập danh mục các khu vực thăm dò khoáng sản sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
4	Tổ chức thực hiện việc khoanh định, phê duyệt, điều chỉnh khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
5	Tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản đối với các khu vực đã được phê duyệt kế hoạch đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
6	Thực hiện đánh giá trong trữ lượng, khối lượng khoáng sản còn lại chưa khai thác, thu hồi tại thời điểm ngày 01 tháng 7 năm 2025 (đối với các mỏ thu hồi và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản) để phê duyệt lại tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định.
7	Thực hiện khoanh định và công bố khu vực có khoáng sản phân tán, nhỏ lẻ.
8	Thu thập, cập nhật, xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất, khoáng sản tại địa phương, kết nối về hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
XIV	Dịch vụ lĩnh vực tài nguyên nước
1	Lập, tổ chức thực hiện phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra trong quy hoạch tỉnh.
2	Phổ biến, tuyên truyền, truyền thông về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.
3	Xây dựng và tổ chức thực hiện kiểm kê tài nguyên nước.
4	Điều tra, đánh giá tài nguyên nước.
5	Xác định, công bố, điều chỉnh dòng chảy tối thiểu đối với sông, suối nội tỉnh.
6	Khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế, vùng đăng ký khai thác nước dưới đất, vùng cần bổ sung nhân tạo nước dưới đất và xác định ngưỡng khai thác nước dưới đất.
7	Xây dựng và duy trì mạng quan trắc tài nguyên nước; quan trắc tài nguyên nước; giám sát khai thác tài nguyên nước; dự báo, cảnh báo nguồn nước; kiểm soát các hoạt động có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước.
8	Phòng, chống và phục hồi nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; cải thiện khả năng chịu tải của nguồn nước mặt.
9	Điều tra, đánh giá, xác định khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước mặt nội tỉnh và lập bản đồ phân vùng tiếp nhận nước thải của nguồn nước mặt nội tỉnh.
10	Xác định, công bố chức năng đối với nguồn nước mặt nội tỉnh; điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh.
11	Đo đạc mặt cắt sông, suối; đánh giá diễn biến sạt lở lòng, bờ, bãi sông.
12	Xây dựng, điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.
13	Xác định và tổ chức việc công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.
14	Khoanh định, công bố, điều chỉnh danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
15	Lập, công bố, điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước; phê duyệt, điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước, kế hoạch, phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước; xác định mốc giới, chỉ giới; cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước.
16	Lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đối với hồ, ao, đầm, phá thuộc nguồn nước mặt nội tỉnh.
17	Ban hành, điều chỉnh danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh.
18	Lập danh mục đập, hồ chứa và xây dựng, phê duyệt quy chế phối hợp vận hành của các đập, hồ chứa trên sông, suối thuộc địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; thuộc phạm vi từ 02 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên.
19	Xây dựng và duy trì hệ thống cảnh báo, dự báo lũ, lụt, hạn hán và các tác hại khác do nước gây ra ở những khu vực đang chịu sự tác động mạnh mẽ của biến đổi khí hậu.
20	Cập nhật, nâng cấp, quản lý, vận hành và duy trì hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh tích hợp với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.
21	Ban hành kế hoạch, lộ trình quy định các loại dự án phải có phương án sử dụng nước tuần hoàn, tái sử dụng nước đối với các dự án tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước và xác định các ưu đãi mà dự án đó được hưởng theo quy định của pháp luật.
22	Xây dựng, thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, điều hòa, phân phối, phục hồi, phát triển, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra.
23	Phục hồi, bảo vệ các khu vực, tầng chứa nước dưới đất bị suy thoái mực nước, ô nhiễm, nhiễm mặn.
24	Bảo vệ nguồn nước mặt.
25	Tổ chức thực hiện biện pháp khẩn cấp để bảo đảm nước sinh hoạt trong trường hợp hạn hán, thiếu nước hoặc sự cố ô nhiễm nguồn nước nghiêm trọng gây ra thiếu nước.
26	Xây dựng báo cáo khai thác, sử dụng tài nguyên nước của tỉnh.
27	Xác định các nguồn nước bị suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm; tổ chức thực hiện kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.
28	Lập kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phù hợp với kịch bản nguồn nước; xây dựng, tổ chức thực hiện phương án điều hòa, phân phối tài nguyên nước.
XV	Dịch vụ lĩnh vực khí tượng thủy văn và biến đổi khí hậu
1	Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
2	Đánh giá tác động và ứng phó với biến đổi khí hậu; giảm nhẹ khí thải nhà kính.
3	Tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về lĩnh vực khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu.
4	Lập, cập nhật, bổ sung danh mục các công trình và chủ công trình phải tổ chức quan trắc và cung cấp thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn.
5	Lập kế hoạch phát triển mạng lưới quan trắc khí tượng thủy văn chuyên dùng để phục vụ nhu cầu khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn trong phát triển kinh tế - xã hội và phòng, chống thiên tai, bảo đảm quốc phòng, an ninh.
6	Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện cơ sở dữ liệu khí tượng thủy văn.
7	Xây dựng bản đồ cảnh báo nguy cơ sạt lở đất, sạt lở bờ sông; bản đồ rủi ro lũ lụt hạ du hồ chứa, vùng trũng, vùng ven sông, suối trên địa bàn tỉnh tương ứng với các kịch bản lũ lụt.
8	Điều tra, khảo sát, thống kê số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính cấp quốc gia, cấp ngành, cấp lĩnh vực; cập nhật danh mục cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; theo dõi, giám sát, thẩm định kết quả kiểm kê khí nhà kính các cơ sở trong phạm vi quản lý; xây dựng và vận hành hệ thống đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp tỉnh.
XVI	Dịch vụ lĩnh vực viễn thám
1	Xây dựng, cập nhật siêu dữ liệu viễn thám để đáp ứng yêu cầu khai thác và sử dụng thuộc phạm vi quản lý của địa phương.
2	Thành lập bản đồ chuyên đề bằng công nghệ viễn thám.
XVIII	Dịch vụ khác
1	Dịch vụ lĩnh vực nông nghiệp khác
1.1	Xây dựng, biên soạn tài liệu, đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nghiệp vụ khuyến nông, chăn nuôi, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản.
1.2	Tổ chức và tham gia tổ chức các hội thi, hội thảo, hội chợ, triển lãm, diễn đàn, tham quan học tập, trao đổi kinh nghiệm về khuyến nông.
1.3	Xây dựng và trình diễn các mô hình: Khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ; mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh nông nghiệp hiệu quả và bền vững và các mô hình điển hình sản xuất tiên tiến nhân ra diện rộng của các chương trình, đề án, dự án.
1.4	Tuyên truyền, tư vấn tập huấn những tiến bộ khoa học kỹ thuật mới, chính sách, pháp luật, truyền nghề về kỹ năng sản xuất, tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh trong các lĩnh vực khuyến

Stt	Tên dịch vụ sự nghiệp công
	nông, khuyến lâm, khuyến ngư; chuyển giao các tiến bộ khoa học kỹ thuật về sản xuất thuộc các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.
1.5	Hợp tác quốc tế về khuyến nông.
2	Dịch vụ lĩnh vực nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn
2.1	Dịch vụ truyền thông, phổ biến, giáo dục, vận động, hướng dẫn nhân dân bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng tiết kiệm nước sạch, giữ gìn vệ sinh môi trường nông thôn tại địa phương.
2.2	Triển khai xây dựng cấp nước an toàn.
3	Dịch vụ lĩnh vực phát triển nông thôn
3.1	Đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn.
3.2	Quan trắc môi trường phục vụ quản lý ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn
4	Dịch vụ kinh tế hợp tác
4.1	Tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền chính sách về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đến các doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án, kế hoạch liên kết.
5	Dịch vụ công nghệ thông tin, lưu trữ, xây dựng định mức và truyền thông về nông nghiệp và môi trường
5.1	Duy trì, vận hành hệ thống thông tin nông nghiệp và môi trường.
5.2	Xây dựng, nâng cấp, phát triển một số phần mềm nội bộ và chuyên đổi số đáp ứng công tác quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
5.3	Thu thập, quản lý dữ liệu tài nguyên và môi trường.
5.4	Biên mục, chỉnh lý và tạo lập cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
5.5	Rà soát, hoàn chỉnh hồ sơ tài liệu giao nộp lưu trữ lịch sử tỉnh.
5.6	Duy trì, vận hành và bảo quản kho lưu trữ hồ sơ tài liệu thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
5.7	Công khai dữ liệu mở thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
5.8	Dịch vụ công nghệ thông tin về hạ tầng chỗ đặt, hệ thống điện, điều hòa và các thiết bị liên quan khác để đặt thiết bị hệ thống dự phòng cho hệ thống tích hợp và điều hành cơ sở dữ liệu nông nghiệp và môi trường.
5.9	Mở rộng hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ công tác chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.
5.10	Xây dựng các dịch vụ dữ liệu lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tích hợp IOC tỉnh.
5.11	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật, giá lĩnh vực nông nghiệp môi trường.